

Số: 30 /2018/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 308/TTr-STNMT ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Báo cáo số 118/BC-STNMT ngày 23 tháng 7 năm 2018,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Bộ đơn giá gồm 3 hạng mục:

1. Bộ đơn giá xây dựng lưới địa chính, đo đạc địa chính.

2. Bộ đơn giá đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất.

3. Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

(có đơn giá chi tiết kèm theo)

Điều 2.

1. Đơn giá này được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh cho các công trình đo đạc chính quy sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Các loại chi phí chưa tính trong đơn giá, bao gồm các khoản chi phí và định mức như sau:

a) Chi phí lập nhiệm vụ, dự án:

Hạng mục công việc	Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)									
	≤ 5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
Nhóm I	3,88	3,00	2,29	1,98	1,74	1,56	1,39	1,23	1,10	1,00
Nhóm II	3,54	2,10	1,70	1,40	1,15	1,00	0,93	0,84	0,76	0,70
Nhóm III	1,60	1,00	0,80	0,70	0,64	0,58	0,53	0,48	0,44	0,40

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a)}{G_a - G_b} \times (G_i - G_b)$$

Trong đó: K_i : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); K_a : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần trên (tỷ lệ %); K_b : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần dưới (tỷ lệ %); G_i : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); G_a : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần trên (tỷ đồng); G_b : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần dưới (tỷ đồng).

b) Chi phí kiểm tra, nghiệm thu:

	Ngoại nghiệp	Nội nghiệp
Nhóm I	3% chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án	2% chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án
Nhóm II	4% chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án	3% chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án
Nhóm III	5% chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án	4% chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án

c) Thu nhập chịu thuế tính trước: 5,5% chi phí trong đơn giá.

d) Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT, khi thanh toán sẽ tính thêm thuế VAT theo Luật thuế VAT.

3. Trường hợp chỉnh lý biên động (không cấp đổi) trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay đổi địa chỉ thửa đất, địa chỉ thường trú của chủ sử dụng đất do Nhà nước thực hiện việc chia tách địa giới hành chính của cấp huyện, cấp xã thì không thu tiền chỉnh lý biên động.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Khi có thay đổi quy định về lương cơ sở thì Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành liên quan báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4.

1. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018 và thay thế Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, P. KT, TH,
Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh